

## DANH MỤC XÉT NGHIỆM LÀM TẠI KHOA XÉT NGHIỆM BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI TRUNG ƯƠNG

### A. HÓA SINH

STT	Tên xét nghiệm	Ghi chú
1	Acid Uric máu	
2	Acid Uric niệu	
3	Albumin	
4	GPT	
5	Amylase máu	
6	ASLO	
7	GOT	
8	Bilirubin G.T	
9	Bilirubin T.P	
10	BilirubinT.T	
11	Calci	
12	Calci ion hoá	
13	Cholesterol T.P	
14	Định lượng CK	
15	CK - MB	
16	Clo dịch	
17	Creatimin máu	
18	Creatinin niệu	
19	CRP hs	
20	Glucose dịch	
21	Glucose	
22	Gama GT	
23	Globuline	

24	HbA1c	
25	HDL-Cho	
26	LDH	
27	LDL-Cho	
28	Lipase	
29	Điện giải đồ (Na <sup>+</sup> , K <sup>+</sup> , CL <sup>-</sup> )	
30	Điện giải đồ ( Na <sup>+</sup> , K <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> ) niệu	
31	Định lượng cấp NH3 trong máu	
32	Phosphatase kiềm	
33	Phospho	
34	Protein dịch	
35	Protein niệu	
36	Protein T.P	
37	Phản ứng pandy	
38	Rivalta	
39	Fe(sắt)	
40	Nước tiểu 10 thông số (máy)	
41	Tryglyceride	
42	TSH	
43	Urê máu	
44	Lactat	
45	Magie	
46	Protein Bence Jones	
47	Cholinesterase	
48	Định tính Hemoglobin niệu	Chưa có giá

**B. MIỄN DỊCH**

STT	Tên xét nghiệm	Ghi chú
1	Anpha FP (AFP)	
2	Anti - HBc IgM (elisa)	
3	Anti-Hbe (elisa)	
4	Anti - HCV (elisa)	
5	Anti-HBcIgG (Elisa)	
6	Anti -HBs định lượng	
7	TPHA định tính	
8	RPR định tính	
9	Cortison	
10	Ferritin	
11	FT3	
12	FT4	
13	Chẩn đoán Anti HAV-IgM bằng kỹ thuật ELISA	
14	Chẩn đoán Anti HAV-total bằng kỹ thuật ELISA	
15	HBeAg (Elisa)	
16	HBsAg (nhanch)	
17	HIV 3 phương pháp	
18	Anti - HIV (nhanch)	
19	HT CĐoán Dengue IgM	
20	HT CĐoán Dengue IgG	
21	HT CĐoán HEV ( IgM)	
22	Chẩn đoán Rubella IgG bằng kỹ thuật ELISA	
23	Chẩn đoán Rubella IgM bằng kỹ thuật ELISA	
24	HT Cđoán các bệnh KST Fasciolasp (Sán lá gan lớn)	

25	HT CĐoán sởi IGM	
26	Chẩn đoán Toxoplasma IgG bằng kỹ thuật ELISA	
27	Chẩn đoán Toxoplasma IgM bằng kỹ thuật ELISA	
28	HT chẩn đoán Leptospira	
29	HT chẩn đoán Rickesia IgM+IgG	
30	HT chẩn đoán viêm não N.Bản	
31	NS1 Dengue( Xn phát hiện nhanh virus Dengue)	
32	Pro-calcitonin	
33	T3	
34	T4	
35	Đếm số lượng CD3-CD4_CD8 (CD4)	
36	Xét nghiệm phát hiện nhanh cúm A,B	
37	Xác định EV 71( nhanh)	
38	Xác định Tetanus( uốn ván)	
39	Soi trực tiếp nhuộm soi (soi phân tìm VK tả)	
40	Định lượng HBsAg	
41	EBV-VCA IgG	
42	EBV-VCA IgM	

### C. VI KHUẨN

STT	Tên xét nghiệm	Ghi chú
1	Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường (dịch khác....)	
2	Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường (dịch màng phổi)	
3	Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường (dịch nang)	
4	Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường (dịch ổ bụng)	
5	Cấy vi khuẩn lao nhanh bằng môi trường MGIT (Dịch màng bụng)	
6	Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường (dịch MB)	

7	Cấy vi khuẩn lao nhanh bằng môi trường MGIT (Dịch màng phổi)	
8	Cấy vi khuẩn lao nhanh bằng môi trường MGIT (Dịch não tủy)	
9	Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường (dịch não tủy)	
10	Cấy vi khuẩn lao nhanh bằng môi trường MGIT (Đờm)	
11	Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường (đờm)	
12	Cấy máu bằng máy cấy máu Batec (tìm nấm)	
13	Cấy máu bằng máy cấy máu Batec (tìm VK)	
14	Cấy máu bằng máy cấy máu Batec (tìm BK)	
15	Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường (mủ)	
16	Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường (Nước tiểu)	
17	Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường (Phân)	
18	Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường (Phân)	
19	Cấy vi khuẩn lao nhanh bằng môi trường MGIT (dịch khác...)	
20	Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường	
21	NC và định danh VK bằng Vitek-2	
22	Soi trực tiếp nhuộm soi (tìm VK)	
23	Nuôi cấy tìm vi khuẩn kỵ khí	
24	Soi trực tiếp nhuộm soi	
25	Xđ độ nhạy cảm của VK với kháng sinh bằng Kirby-Bauer	
26	Xđ độ nhạy cảm của VK với kháng sinh máy Vitek2	
27	xét nghiệm tìm BK	
28	vi khuẩn chí	
29	Xđ trực khuẩn lao = Ziehl- Neelsen	
30	Soi trực tiếp nhuộm soi (soi dịch họng; DNT tìm song cầu Gr(-) )	
31	Kháng sinh đồ MIC cho vi khuẩn (cho 1 loại kháng sinh	
32	Nhuộm soi huỳnh quang BK	Chưa có giá

<b>D. KÝ SINH TRÙNG</b>		
<b>STT</b>	<b>Tên xét nghiệm</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nuôi cấy và định danh nấm bằng phương pháp thông thường (da)	
2	Nuôi cấy và định danh nấm bằng phương pháp thông thường (dịch họng)	
3	Nuôi cấy và định danh nấm bằng phương pháp thông thường (dịch nang)	
4	Nuôi cấy và định danh nấm bằng phương pháp thông thường (Dịch não tủy)	
5	Nuôi cấy và định danh nấm bằng phương pháp thông thường (Đờm)	
6	Nuôi cấy và định danh nấm bằng phương pháp thông thường (nước tiểu)	
7	Nuôi cấy và định danh nấm bằng phương pháp thông thường (Phân)	
8	Nuôi cấy và định danh nấm bằng phương pháp thông thường (dịch khác....)	
9	Tìm ký sinh trùng sốt rét bằng phương pháp thủ công	
10	Phát hiện ký sinh trùng sốt rét bằng test miễn dịch và nhuộm Giemsa	
11	Nuôi cấy và định danh nấm gây bệnh bằng máy Vitek-2	
12	Soi trực tiếp nhuộm soi (tìm nấm)	
13	Xét nghiệm trực tiếp tìm nấm (nhuộm mực tàu)	
14	Tìm ấu trùng giun chỉ trong máu	
15	Soi tươi tìm ký sinh trùng	
16	Xđ độ nhạy cảm của nấm với thuốc kháng nấm bằng KT Vitek-2	
17	Soi tươi tìm ký sinh trùng	
18	Soi trực tiếp nhuộm soi (tìm nấm)	
19	Soi tươi tìm ký sinh trùng (tìm amip)	
20	Soi tươi tìm ký sinh trùng (tìm đơn bào)	
21	Soi trực tiếp tìm hồng cầu, bạch cầu trong phân	
22	Soi tươi tìm ký sinh trùng (bào tử trùng)	
23	Xét nghiệm tìm <i>Pneumocystis carinii</i> (nhuộm Giemsa)	
24	Xét nghiệm tìm trứng giun sán và đơn bào bằng kỹ thuật Kato-Katz	

**E. SHPT**

STT	Tên xét nghiệm	Ghi chú
1	Đếm tải lượng HIV bằng máy Cobas	
2	Định type HCV bằng giải trình tự gen	
3	Định lượng vi rút viêm gan B (HBV) cho các bệnh nhân viêm gan B mãn tính (Sử dụng để theo dõi điều trị)	
4	Định lượng virus viêm gan B (HBV)	
5	Định lượng vi rút viêm gan C (HCV) cho các bệnh nhân viêm gan C mãn tính (Sử dụng để theo dõi điều trị)	
6	PCR chẩn đoán CMV	
7	PCR chẩn đoán lao bằng hệ thống Cobas TaqMan48	
8	Xét nghiệm xác định gen	
9	Xác định sự có mặt của vi khuẩn bất kỳ trong dịch não tủy bằng PCR	(Xác định được các vi khuẩn: <i>H.influenzae</i> ; <i>N. meningitidis</i> ; <i>S. pneumoniae</i> ; <i>S.suis</i> . Bác sỹ ghi rõ loại vi khuẩn muốn xét nghiệm)
10	Xác định <i>S.suis</i> trong dịch não tủy bằng PCR	
11	Xác định <i>E.coli</i> sinh độc tố ruột (EAEC, EPEC, EIEC, ETEC) bằng PCR	
12	Xác định <i>V.cholerae</i> bằng PCR	
13	Xác định <i>Salmonella</i> bằng PCR	
14	Xác định <i>Staphylococcus</i> bằng PCR	
15	Xác định sự có mặt của <i>Shigella</i> trong phân bằng PCR	
16	Định type và xác định đột biến kháng thuốc của HIV	
17	Xét nghiệm chẩn đoán cúm bằng PCR (cho 1 loại cúm)	(Xác định được các chủng cúm: A/H1; A/H3; A/H5; A/SwineH1; A/H7; Corona virus. Bác sỹ ghi rõ từng chủng cúm muốn xác định, vì giá xét nghiệm chỉ cho 1 loại cúm)
18	Xác định HSV1/2 trong dịch não tủy bằng RT-PCR	
19	Xác định Enterovirus và EV71 bằng PCR	
20	Định danh vi khuẩn bằng giải trình tự gen (Xác định trình tự 1 đoạn gen)	
21	Định danh ký sinh trùng bằng giải trình tự gen (Xác định trình tự 1 đoạn gen)	

22	Xác định nấm bằng PCR	
23	Xác định đột biến kháng thuốc của HBV	
24	Xác định nấm bằng PCR và giải trình tự gen	
25	Xác định gen kháng kháng sinh của vi khuẩn bằng PCR	
26	Xác định đột biến kháng thuốc kháng sinh của vi khuẩn với 1 kháng sinh và 1 gen	
27	PCR xác định các căn nguyên gây viêm phổi không điển hình (chẩn đoán vi sinh gây bệnh bằng PCR)	(Xác định được 4 loại: <i>Mycoplasma pneumoniae</i> , hoặc <i>Legionella pneumoniae</i> , hoặc <i>Chlamydophila pneumoniae</i> . Bác sỹ ghi rõ loại vk muốn xn)

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2013

Lãnh đạo khoa xét nghiệm